

# QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ VẤN ĐỀ LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM Ở QUẬN NGŨ HÀNH SƠN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

## URBAN PLANNING AND LABOR, EMPLOYMENT PROBLEMS IN NGU HANH SON DISTRICT, DANANG CITY

Nguyễn Đặng Thảo Nguyên

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng; Email: thaonguyendhn@gmail.com

**Tóm tắt** - Trong nhiều năm qua, Đà Nẵng đã và đang phấn đấu trở thành một thành phố tiên tiến, văn minh, hiện đại của nước ta và khu vực Đông Nam Á. Để đạt được mục tiêu chiến lược đó, có rất nhiều chính sách được triển khai, trước hết là vấn đề quy hoạch đô thị. Các dự án quy hoạch đô thị đã được thực hiện trên khắp các quận huyện và bước đầu thu được những thành công nhất định, làm cho bộ mặt của thành phố có những thay đổi căn bản. Tuy nhiên, trong sự đổi thay đó cũng còn những khó khăn mang tính xã hội gay gắt đó là vấn đề lao động và việc làm ở các khu tái định cư. Ở bài báo này, chúng tôi đề cập đến sự tác động của vấn đề quy hoạch các khu dân cư đến lao động việc làm trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

**Từ khóa** - quy hoạch đô thị, lao động, việc làm, di dân, tái định cư, quận Ngũ Hành Sơn

**Abstract** - During the recent years, Danang has always been striving to develop and become a modern and civilised city in Vietnam in particular and in Southeast Asia in general. In order to meet this target, there were many strategies needed. Having a strategic urban planning was one of the most basic and important mission. A range of urban planning projects were undertaken and got success. It brought a lot of positive changes to the city. However, there are still some difficulties existing that we have to deal with, involving labor and employment problems in resettlement places. In this article, we would like to mention the impact of urban planning on employment in Ngu Hanh Son District, Danang.

**Key words** - Urban Planning, labor, employment, resettlement, Ngu Hanh Son District

### 1. Đặt vấn đề

Quận Ngũ Hành Sơn nằm phía Đông Nam thành phố Đà Nẵng, phía Đông giáp biển Đông, phía Tây giáp quận Cẩm Lệ và quận Hải Châu, phía Nam giáp huyện Điện Bàn tỉnh Quảng Nam, phía Bắc giáp quận Sơn Trà, cách trung tâm thành phố Đà Nẵng 10 km về phía Đông Nam, tiếp giáp 12 km bờ biển, có khu Danh lam thắng cảnh Ngũ Hành Sơn, hằng năm có trên 300.000 lượt khách du lịch đến tham quan, có làng nghề điêu khắc đá mỹ nghệ truyền thống. Toàn quận có diện tích: 36,52km<sup>2</sup>, chiếm 2,91% diện tích toàn thành phố, cơ cấu kinh tế của quận phát triển theo hướng “Dịch vụ - Công nghiệp - Nông nghiệp”, là quận đang trong quá trình đô thị hóa nhanh, thu hút gần 100 dự án đã và đang đầu tư, diện tích đất xây dựng còn nhiều, mặt bằng thông thoáng. Đây là yếu tố tiền đề để mở mang phát triển không gian đô thị thành phố về phía Đông Nam.

Hòa chung xu thế của thành phố, quận Ngũ Hành Sơn có bước phát triển mạnh mẽ về KT-XH, đã tiến hành triển khai xây dựng nhiều công trình lớn, nhỏ trên hầu khắp các khu vực của quận nhằm đảm bảo nhu cầu cuộc sống cho người dân và góp phần làm thay đổi bộ mặt của quận. Các dự án quy hoạch diễn ra chủ yếu ở các khu vực đất nông nghiệp. Hoạt động nông nghiệp là việc làm chính của dân cư, vì vậy vấn đề quy hoạch đô thị cũng không tránh khỏi những khó khăn cho dân cư, đặc biệt là vấn đề lao động và việc làm cho những người dân tái định cư, gây không ít khó khăn cho đời sống nhân dân ở các khu tái định cư trên địa bàn quận.

### 2. Vấn đề di dân và tái định cư ở quận Ngũ Hành Sơn

#### 2.1. Khái niệm về di dân và tái định cư

##### 2.1.1. Di dân và đặc điểm của di dân

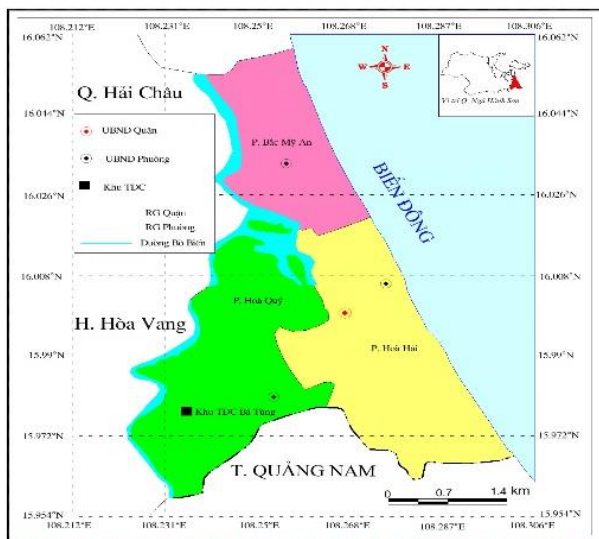
Di dân là sự di chuyển của người dân theo lãnh thổ với những giới hạn về thời gian và không gian nhất định, kèm theo sự thay đổi nơi cư trú:

- Không phải mọi sự di chuyển của con người đều được coi là di dân. Người ta phân biệt di dân với các hình thức di chuyển thông thường hàng ngày: rời khỏi nhà để đi học, đi làm, đi chơi, tham quan du lịch...

- Trong thực tế có nhiều hình thức di chuyển như đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, công tác biệt phái xa nhà, di chuyển làm việc theo thời vụ, chuyển cư do hôn nhân của phụ nữ theo các khoảng cách đủ xa nhất định, với những mục tiêu nghiên cứu đặc biệt, lại được coi là di dân.

Hiểu về di dân theo cách tiếp cận trên đây di dân có các đặc điểm chủ yếu sau:

- Một là, con người di chuyển khỏi địa dư nào đó đến một nơi nào đó, với một khoảng cách nhất định. Nơi đi (nơi xuất cư) và nơi đến (nơi nhập cư) có thể là vùng lãnh thổ hoặc một đơn vị hành chính.



Hình 1. Bản đồ quận Ngũ Hành Sơn

- Hai là, nơi đi (xuất phát) là nơi ở thường xuyên, được quy định theo hình thức đăng ký hộ khẩu hoặc đăng ký dân sự của cấp quản lý hành chính có thẩm quyền và nơi đến là nơi ở mới. Tính chất cư trú là điều kiện cần để xác định di dân.

- Ba là, khoảng thời gian ở lại nơi mới trong bao lâu là đặc điểm quan trọng xác định sự di chuyển đó có phải là di dân hay không. Tùy mục đích, thời gian "ở lại" có thể là một số năm, một số tháng. [3]

### 2.1.2. Tái định cư (TĐC):

Tái định cư theo nghĩa hẹp là quá trình di chuyển người dân đến nơi ở mới. Di dân sẽ gắn liền với tái định cư.

TĐC là một cụm từ khá quen thuộc gần đây, khái niệm của nó mang nội hàm khá rộng, dùng để chỉ những ảnh hưởng tác động đến đời sống của người dân do bị mất tài sản và nguồn thu nhập trong quá trình phát triển dự án gây ra, bất kể có phải di chuyển hay không và các chương trình nhằm khôi phục cuộc sống của họ. TĐC bao hàm cả việc thực hiện chính sách bồi thường thiệt hại khi thu hồi đất. Trong quá trình phát triển đất nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, việc thu hồi đất để phục vụ cho lợi ích quốc gia, lợi ích cộng đồng và phát triển kinh tế - xã hội là một quá trình tất yếu.

Việc di dân đến một nơi mới đồng nghĩa với việc thu hồi đất nơi ở cũ theo sự cho phép của nhà nước và các cơ quan chức năng để sử dụng cho các mục đích khác nhau của xã hội (an ninh - quốc phòng, kinh tế - xã hội,...) vì lợi ích quốc gia, công cộng. Lợi ích thu được từ các dự án di dân là việc hình thành nên các cơ sở hạ tầng - kỹ thuật phục vụ cho sự phát triển chung của đất nước.

Bên cạnh đó, người dân TĐC cũng có được những lợi ích nhất định từ việc di dân, TĐC. Đối với các gia đình có hoàn cảnh gia đình khó khăn, họ mong muốn được có cơ hội thay đổi cuộc sống thì việc TĐC sẽ là cơ hội cho họ thực hiện được mong muốn, còn đối với các hộ có cuộc sống ổn định, khá giả thì việc TĐC cũng sẽ là một cơ hội cho họ nâng cao hơn nữa chất lượng cuộc sống của gia đình. Tuy nhiên, sự thay đổi trên còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố, cả khách quan và chủ quan. [4]

## 2.2. Việc giải tỏa và TĐC ở quận Ngũ Hành Sơn

Ngũ Hành Sơn là địa bàn có nhiều dự án giải tỏa, bố trí TĐC để mở rộng không gian đô thị về phía Nam, là quận dẫn đầu về công tác giải tỏa đền bù (27 dự án) và cũng dẫn đầu về số lượng bố trí đất TĐC (13 khu TĐC).

Thực hiện chủ trương quy hoạch phát triển không gian đô thị từ năm 2000 đến nay, toàn quận đã thu hồi là: 1.721 ha, trong đó đất thổ cư: 268,6 ha, đất nông nghiệp và các loại đất khác 1452,4 ha. [1]

Tổng số hộ di dời giải tỏa 3.661 hộ chiếm tỷ lệ 30,46% so với tổng số hộ; trong đó 1.549 hộ nông nghiệp chiếm tỷ lệ 42,31 %, 2.112 hộ phi nông nghiệp chiếm 57,69%. Trong số hộ nông nghiệp bị thu hồi đất sản xuất có 993 hộ bị thu hồi 100% đất sản xuất, 352 hộ bị thu hồi trên 50% đất sản xuất, 204 hộ bị thu hồi dưới 50% đất sản xuất. [1]

Công tác giải tỏa đền bù đã đạt được nhiều thành công: lòng dân đồng thuận, cuộc sống được đảm bảo và ổn định. Có được những thành công là do:

- UBND thành phố Đà Nẵng đã có những chính sách về

đào tạo nghề, hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề, giải quyết việc làm cho lao động thuộc diện chính sách, hộ nghèo, hộ thu hồi đất sản xuất, chính sách về miễn giảm học phí cho con em thuộc hộ nông dân có đất sản xuất bị thu hồi, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo nghề cho lao động thuộc các đối tượng trên, chính sách về thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo – ASXH đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thực hiện.

- Sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, thực hiện tốt các chính sách của các cấp ủy Đảng, Chính quyền, Mặt trận, các ban ngành quận Ngũ Hành Sơn nên bảo đảm quyền lợi thiết thực của hộ dân thuộc diện di dời giải tỏa, thu hồi đất sản xuất được quan tâm, tạo sự đồng thuận cao trong việc chấp hành thực hiện các chủ trương, chính sách về chỉnh trang đô thị, tạo thuận lợi trong việc đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa của thành phố Đà Nẵng trong những năm qua.

- Công tác tuyên truyền, tư vấn, kết nối thông tin về lao động, việc làm đến người lao động nên nhận thức về lao động việc làm đã được nâng lên; tự tạo việc làm, đầu tư các mô hình phát kinh tế hộ gia đình được nhân rộng; Đối thoại, tư vấn trực tiếp, đặc biệt là thông qua phiên giao dịch việc làm do quận và thành phố tổ chức đã thu hút lao động nông thôn, hộ nghèo, hộ di dời giải tỏa mất đất sản xuất, học sinh THCS không trúng tuyển vào lớp 10 THPT, bộ đội xuất ngũ, thanh niên có nhu cầu học nghề, tìm việc làm vào học nghề tại các trung tâm...

Chính sách giải tỏa đền bù hợp lý, phần lớn đã ổn định được cuộc sống của nhân dân và tạo điều kiện cho người dân phát triển: Một số hộ có vốn để đầu tư sản xuất, kinh doanh, phương tiện đi lại, thiết bị nghe nhìn cũng như môi trường sống được cải thiện đáng kể; Một bộ phận người lao động phổ thông như thợ nề, phụ hồ, dịch vụ buôn bán có thêm việc làm, con em được học nghề miễn phí, có cơ hội tìm việc làm; Một số lao động thuần nông được chính quyền, đoàn thể hướng dẫn, hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề...

Tuy nhiên, bên cạnh những cố gắng của các cấp chính quyền, việc giải tỏa trên nhiều khu dân cư, số lượng lớn cũng gây những khó khăn, bất cập như: việc nợ đọng đất TĐC của dân. Ngũ Hành Sơn là quận còn nợ đọng đất TĐC của dân lớn nhất, trên 13 khu TĐC của quận còn nợ 445 hộ với 558 lô đất, trong đó riêng khu TĐC Đông Hải còn nợ tới 216 lô đất của dân.

## 3. Thực trạng lao động và việc làm ở các khu TĐC quận Ngũ Hành Sơn

### 3.1. Khái quát về lao động việc làm và đời sống người dân trong quận [1]

Theo số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, dân số toàn quận có 63.070 người, chiếm 7,11% dân số toàn thành phố, mật độ dân số: 1634 người/km<sup>2</sup>. Tổng số lao động trong độ tuổi 42.700 người, chiếm tỷ lệ 67,7 % so dân số, số lao động đang có việc làm 26.385 người; lao động thiếu việc làm và việc làm không ổn định 14.380 người;

Về đời sống nhân dân tuy là quận nội thành nhưng thực trạng đời sống nhân dân còn thấp so với các quận trong thành phố. Năm 2010 toàn quận có 12.019 hộ trong đó 2.695 hộ nghèo với 10.971 khẩu chiếm tỷ lệ 22,4 % so với tổng số hộ, cụ thể có 197 hộ đặc biệt nghèo nhóm I với 597 nhân khẩu, đối tượng xã hội neo đơn gồm 92 hộ với 170

khẩu đang hưởng trợ cấp xã hội; hộ đặc biệt nghèo Nhóm II và III có 216 hộ với 995 khẩu.

### 3.2. Vấn đề lao động, việc làm của các hộ giải tỏa trên địa bàn quận

#### 3.2.1. Vấn đề lao động của các khu giải tỏa, di dời trên địa bàn quận

Qua số liệu điều tra chúng tôi thấy trong những năm qua, số hộ phải di dời, giải tỏa là 3.661 hộ, với 10.182 người trong độ tuổi lao động, trong đó lao động nữ 5.568 người chiếm tỷ lệ 54,6 % so tổng số lao động. Trong 3.661 hộ di dời có 1.549 hộ với trên 4.640 lao động chủ yếu sống bằng nghề sản xuất nông nghiệp, có 2.112 hộ với 5.540 lao động phi nông nghiệp làm các ngành nghề dịch vụ buôn bán.

Bảng 1: Lao động trong độ tuổi phân bố ở các khu dân cư

Chỉ tiêu	Hòa Quý	Hoà Hải	Khuê Mỹ	Mỹ An	Tổng cộng
Tổng số lao động trong độ tuổi	885	4429	1663	3205	10182
trong đó: nữ	419	2715	853	1581	5568

Về trình độ văn hóa người lao động trong độ tuổi:

- Tốt nghiệp tiểu học: 1649 lao động, chiếm 16,62% (trong đó nữ 783 lao động);
- Tốt nghiệp trung học cơ sở: 3.997 lao động, chiếm 39,2,2% (trong đó nữ 1807 lao động);
- Tốt nghiệp trung học phổ thông: 4.283 lao động, chiếm 42,06% (trong đó nữ 1908 lao động);
- Không biết chữ: 253 lao động, chiếm 2,48% (trong đó nữ 128 lao động);
- Qua đó, thấy rằng lực lượng lao động tốt nghiệp THCS, THPT còn thấp, đây là vấn đề khó khăn trong học nghề, tìm kiếm việc làm, chuyển đổi ngành nghề giải quyết việc làm.

Về trình độ chuyên môn kỹ thuật của người lao động:

- Số lao động đã đào tạo nghề: 3.825 lao động, chiếm 37,56% so tổng số lao động (trong đó nữ 1.948 người). Trong đó:
  - + Công nhân kỹ thuật không có bằng cấp 2.169 lao động, chiếm 21,30% so tổng số lao động qua đào tạo (trong đó nữ 1.218 người);
  - + Trình độ sơ cấp nghề: 292 lao động, chiếm 2,86 % so tổng lao động qua đào tạo (trong đó nữ 120 người);
  - + Trình độ trung cấp nghề có bằng 536 lao động, chiếm 5,26 % so tổng lao động qua đào tạo (trong đó nữ 171 người);
  - + Trình độ Đại học – Cao đẳng nghề: 828 lao động, chiếm 8,13% so tổng lao động qua đào tạo (trong đó nữ 309 người);
- Số lao động chưa qua đào tạo: 6.357 lao động, chiếm 62,44% so tổng số lao động (trong đó nữ 3.182 người);

Qua số liệu ta thấy: số lao động trong diện di dời giải tỏa có trình độ chỉ chiếm 1/3 tổng lao động và chủ yếu là công nhân kỹ thuật nhưng không có bằng cấp, số lao động có trình độ cao đẳng nghề ít chỉ chiếm 8,13%. Đây cũng là một yếu tố gây khó khăn cho vấn đề giải quyết việc làm ở các khu TĐC của địa phương.

#### 3.2.2. Vấn đề việc làm của người lao động ở các khu giải tỏa, di dời trên địa bàn quận

Tình hình việc làm của các hộ sau khi giải tỏa ở các khu dân cư như sau: [1]

Bảng 2: Tổng hợp tình hình lao động việc làm ở các khu dân cư

Chỉ tiêu	Hòa Quý	Hoà Hải	Khuê Mỹ	Mỹ An	Tổng cộng
Tổng số lao động trong độ tuổi	885	4429	1663	3205	10182
trong đó: nữ	419	2715	853	1581	5568
Có việc làm ổn định	375	1748	1073	201	5209
Việc làm không ổn định	320	1212	239	281	2052
LĐ trong tuổi đang đi học (HS, SV)	119	478	269	403	1269
Số lao động chưa có việc làm	71	616	82	508	1277
trong đó: nữ	33	215	51	289	560

#### a. Số lao động có việc làm ổn định

Có 5.209 lao động có việc làm ổn định chiếm tỷ lệ 51,2% so tổng số lao động (trong đó nữ 1.545 người). Số lao động này đang có việc làm ở kinh tế hộ gia đình như dịch vụ, buôn bán, thuê đất trồng rau màu, sản xuất đá mỹ nghệ, có việc làm trong các cơ quan, đơn vị sản xuất kinh doanh trong và ngoài nhà nước và hiện nay có thu nhập cơ bản ổn định.

Số lao động giữ nguyên nghề cũ: 2.918 lao động, trong đó nữ 1480 người.

Số lao động đã chuyển đổi nghề: 278 lao động, trong đó nữ 169 người.

#### b. Số lao động có việc làm không ổn định

Có 2.052 lao động không có việc làm ổn định, chiếm tỷ lệ 17,2% so với tổng số lao động (trong đó nữ 874 người). Số lao động này phần lớn chưa qua đào tạo nghề, hiện nay đang làm các nghề dịch vụ, lao động phổ thông, thợ nề, phụ hồ và các công việc khác... Những việc làm này thiếu ổn định, thu nhập và đời sống cũng không ổn định.

#### c. Số lao động chưa có việc làm

Có 1.277 lao động chưa có việc làm, chiếm tỷ lệ 12,54% so với tổng số lao động (trong đó nữ 560 người). Số này hiện nay đang sống nhờ nguồn kinh phí giải tỏa đền bù, sống phụ thuộc cha, mẹ và chưa tìm được việc làm.

Số lao động chưa có việc làm này chủ yếu trong độ tuổi từ 16 – 46 (1018 lao động), độ tuổi trên 46 chỉ 259 người;

Trình độ văn hóa thấp, chỉ 442 lao động là tốt nghiệp Trung học Phổ thông, còn lại là trình độ Trung học Cơ sở, Tiểu học; Số không biết chữ là 39 người;

Trình độ chuyên môn kỹ thuật thấp, chưa qua đào tạo 842 lao động, số còn lại đã qua đào tạo nghề chủ yếu là sơ cấp, cử nhân không có bằng, số đại học cao đẳng là 88 người. Với trình độ như vậy, số này rất khó có thể tìm việc làm.

#### d. Số lao động trong độ tuổi đang đi học

Có 1.269 lao động chiếm tỷ lệ 12,46% so tổng số lao động.

#### e. Số lao động không có nhu cầu việc làm

Có 375 lao động, chiếm tỷ lệ 3,68 % so với tổng số lao động, bao gồm người đau ốm thường xuyên, bệnh tật không còn khả năng lao động và một bộ phận đang sống dựa vào nguồn tiền đền bù giải tỏa.

### **f. Nhu cầu của người lao động sau khi quy hoạch giải tỏa**

Qua điều tra khảo sát 3.661 hộ tại các khu TĐC, tổng số lao động có nhu cầu học nghề và giới thiệu việc làm: 1.031 lao động, trong đó:

- Nhu cầu học nghề: 308 lao động gồm các nghề: cơ khí, hàn gò, điện tử, tin học, may dân dụng, trồng hoa cây cảnh, sửa chữa xe máy.....;
- Số lao động có nhu cầu tìm việc làm: 723 lao động, đa số lao động đã qua đào tạo nghề, muốn tìm việc làm ổn định;
- Nhu cầu vay vốn chuyển đổi ngành nghề và giải quyết việc làm: Tổng số 1.136 hộ, với số vốn 54.543 triệu đồng.

### **3.3. Dự báo khả năng mất việc làm sau khi quy hoạch (từ 2010 – 2020)**

Trong những năm đến, tốc độ đô thị hoá sẽ được đẩy mạnh, có trên 41 dự án sẽ triển khai thực hiện trên 70 tổ dân phố, diện tích đất thu hồi dự kiến trên 500 ha: Dự án Làng đá mỹ nghệ Non Nước, công viên văn hoá Ngũ Hành Sơn, khu phố chợ Hoà Hải, dự án FPT, Nam Việt Á, các dự án Du lịch ven biển... sẽ tác động đến hàng ngàn hộ dân, với mức độ ảnh hưởng về việc làm bình quân 1.500 – 2.000 lao động/năm.

Bên cạnh đó, trình độ, kỹ năng nghề của lao động trên địa bàn quận nói chung và lao động trong độ tuổi thanh niên nói riêng còn nhiều hạn chế, dẫn đến tình trạng doanh nghiệp thiếu lao động nhưng lao động vẫn thất nghiệp hoặc bị trả lương thấp vì tay nghề kém. Nhận thức về nghề nghiệp của một bộ phận lao động độ tuổi thanh niên còn nhiều chủ quan, ý lại, không tự nỗ lực vươn lên. Quá trình chuyển đổi ngành nghề từ kinh tế nông nghiệp vùng ven chuyển qua kinh tế dịch vụ - đô thị còn nhiều lúng túng bất cập, Lao động thuộc diện di dời, giải tỏa thu hồi đất sản xuất phần đông là lớn tuổi nên cơ hội chuyển đổi nghề, học nghề mới gặp nhiều khó khăn. Số lao động thuộc hộ di dời giải tỏa, thu hồi đất sản xuất đi học nghề chiếm tỷ lệ rất

nhỏ, đa số tham gia học nghề ngắn hạn, số học nghề ở các bậc cao đẳng, đại học rất ít. Đây là thực trạng và là bài toán khó để giải quyết vấn đề việc làm, ổn định cuộc sống và an sinh xã hội cho người dân ở các khu TĐC trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn.

### **4. Kết luận**

Đô thị hóa gắn với công nghiệp hóa là quá trình tất yếu và phù hợp của những quốc gia đang phát triển như nước ta. Thành phố Đà Nẵng là địa phương có tốc độ đô thị hóa nhanh, mạnh nhờ những chủ trương, giải pháp cụ thể, hữu hiệu trong công tác giải tỏa mặt bằng nên đã được người dân ủng hộ thực hiện tốt, góp phần thúc đẩy tiến trình phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá của thành phố. Quận Ngũ Hành Sơn là một trong những quận đi đầu trong việc thực hiện quy hoạch đô thị và cũng đã đạt được những thành tựu quan trọng, tuy nhiên vẫn còn có không ít vấn đề xã hội bức xúc về việc làm, thu nhập và cuộc sống mới của người dân, đòi hỏi các cấp lãnh đạo và ngay chính bản thân người dân cần phải tập trung nguồn lực, huy động sức mạnh các ngành, các cấp để cùng tìm các giải pháp hữu hiệu giải quyết những khó khăn, xây dựng cuộc sống mới ổn định, bền vững.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Đề án, Hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề và giải quyết việc làm đối với nông dân diện di dời giải tỏa, thu hồi đất sản xuất trên địa bàn Quận Ngũ Hành Sơn giai đoạn 2011 – 2020.
- [2] Lê Thanh Hà (2008), “Một số bất cập về việc làm và thu nhập của người lao động ở nước ta hiện nay”. Tạp chí *Cộng sản*, số 14, tr 12-13.
- [3] Lê Du Phong (2007), “*Thu nhập, đời sống, việc làm của người có đất bị thu hồi để xây dựng các khu công nghiệp, khu đô thị, kết cấu hạ tầng – kinh tế xã hội các công trình công cộng phục vụ lợi ích quốc gia*”, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
- [4] Nguyễn Thảo (2010), Chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người bị thu hồi đất.
- [5] Niên giám thống kê (2013), UBND quận Ngũ Hành Sơn - thành phố Đà Nẵng.
- [6] Trangweb-<http://www.baomoi.com/Da-Nang-phat-trien-nhanh-khu-tai-dinh-cu/148/13082753.epi> (truy cập vào ngày 20/9/2014).

(BBT nhận bài: 04/10/2014, phản biện xong: 14/10/2014)